TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- *T*hành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Phúc;

Ông Lê Hoàng Cưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1977. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn B (tên gọi khác: Điệp), sinh năm 1977. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp X1, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-12-2019 và trong quá trình làm việc, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim A đã khai: Bà A và ông Huỳnh Văn B tự nguyện chung sống vào năm 1996, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 15 tháng 12 năm 2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B không lo làm ăn phụ giúp kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên gây gổ và không còn hợp nhau về tính tình, mặc dù bà A đã

khuyên can hoà giải nhiều lần Cng ông B không thay đổi; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà A bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân từ tháng 5-2014 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên bà A yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn B.

- Về con chung: Bà A và ông B có hai con chung tên là Huỳnh Thị Quỳnh C, sinh ngày 29/10/1998 và Huỳnh Thị Quỳnh D, sinh ngày 12/12/2003; hiện cháu D đang sống cùng với bà A, còn cháu C đã có gia đình sinh sống riêng. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu C đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà A và ông B không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà A cam kết bà A và ông B không có nợ chung ai.

Bị đơn ông Huỳnh Văn B đã khai: Về quan hệ hôn nhân và thời gian ly thân đúng C lời trình bày của bà A. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn C bà A nêu thì giữa ông Được và bà A còn bất đồng về quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên ông chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim A.

- Về con chung: Ông B và bà A có hai con chung tên là Huỳnh Thị Quỳnh C, sinh ngày 29/10/1998 và Huỳnh Thị Quỳnh D, sinh ngày 12/12/2003; hiện cháu D đang sống cùng với bà A, còn cháu C đã có gia đình sinh sống riêng. Khi ly hôn, ông B chấp nhận giao cháu D cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu C đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông B và bà A không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông B cam kết ông B và bà A không có nợ chung ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim A đối với ông Huỳnh Văn B.

Về án phí: Bà A phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, ông B không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Kim A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa bà A và ông Huỳnh Văn B, ông B có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, bà A và ông B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng qui định.

[2] Về hôn nhân: Giữa bà Huỳnh Thị Kim A và ông Huỳnh Văn B có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 15 tháng 12 năm 2003 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung, bà A và ông B đều thừa nhận có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải, hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn và thời gian ly thân kéo dài. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho bà A và ông B hàn gắn, đoàn tụ Cng ông B có đơn đề nghị hoà giải và xét xử vắng mặt, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A. Xét thấy, hôn nhân giữa bà A và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà A và ông B thống có hai con chung tên Huỳnh Thị Quỳnh C, sinh ngày 29/10/1998 và Huỳnh Thị Quỳnh D, sinh ngày 12/12/2003. Bà A và ông B thống nhất giao cháu D cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày ly thân bà A chăm sóc con tốt, đảm bảo các điều kiện cho con và việc thống nhất giữa bà A và ông B phù hợp với nguyện vọng của cháu D. Do đó, giao cháu D cho bà A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đối với chị C đã thành niên tự lao động sinh sống nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim A đối với ông Huỳnh Văn B. Bà A được ly hôn với ông B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Quỳnh D, sinh ngày 12/12/2003 cho bà A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đối với chị Huỳnh Thị Quỳnh C, sinh ngày 29/10/1998 đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chokhấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0022222 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Ông Huỳnh Văn B không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Huỳnh Thị Kim A và ông Huỳnh Văn B có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.